

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-09-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí

2. Bà Lâm Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 155, đường Tỉnh Lộ 909, ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Võ Văn X**, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 105, ấp Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2019 và biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2019, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Vào năm 2016, chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Văn X xây dựng hôn nhân với nhau đến ngày 14/6/2016 thì đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Văn X có một người con chung tên Võ Thiện Nh, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017. Hiện con đang

sống chung với chị Nguyễn Thị Ngọc M. Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Thị Ngọc M xác định không có.

Do trong thời gian chung sống, chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Văn X tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay bất đồng ý kiến trong cuộc sống và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Văn X đã sống ly thân từ ngày 16 tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Văn X không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên chị Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn X. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Võ Thiện Nh, sinh ngày 06/5/2017 và không yêu cầu anh Võ Văn X cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên chị Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M thì anh Võ Văn X đã được Tòa án nhân dân huyện T tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Võ Văn X đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Võ Văn X không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của anh X đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M cũng như không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án và không đến Tòa án tham gia hòa giải nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh X đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện T căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị Ngọc M cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M đối với anh Võ Văn X. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Thiện Nh, sinh ngày 06/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh Võ Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung, không

có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu theo qui định của pháp luật..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung đối với anh Võ Văn X và hiện nay anh Võ Văn X cư trú tại số 105, ấp Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Võ Văn X đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho anh Võ Văn X, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Võ Văn X vẫn vắng mặt không có lý do, còn chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Văn X.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Văn X chung sống có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 14 tháng 6 năm 2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ văn X sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai người không hòa hợp và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân chính do anh X thường uống rượu về gây chuyện và dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đối với chị và thiếu tôn trọng đối với gia đình bên vợ từ đó làm cho vợ chồng sống không có hạnh phúc nên chị Nguyễn M và anh X đã sống ly thân từ ngày 16 tháng 12 năm 2017 cho đến nay không có biện pháp gì hàn gắn lại. Trong khi đó, mặc dù biết rõ Tòa án nhân dân huyện T đang thụ lý, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh X và đã được Tòa án nhân dân huyện T nhiều lần triệu tập đến Tòa án để hòa giải nhưng do X không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm nên không đến Tòa án tham gia hòa giải. Từ đó, có căn cứ khẳng định tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị M và anh X đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh X là điều cần thiết. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh X và cho chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn anh Võ Văn X là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung chị Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Võ Thiện Nh, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017. Xét thấy, cháu Võ Thiện Nh hiện đang sống với chị Nguyễn Thị Ngọc M. Hiện tại,

chị Nguyễn Thị Ngọc M đang làm công nhân tại khu công nghiệp Hòa Phú, tỉnh Vĩnh Long có thu nhập ổn định đảm bảo chi phí cho việc nuôi con nên không nhất thiết phải thay đổi môi trường sống của cháu Nh, nên cần thiết giao cháu Võ Thiện Nh cho Nguyễn Thị Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng khi cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị Ngọc M là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Ngọc M xác định chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Văn X không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh Võ Văn X không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008982 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M đối với anh Võ Văn X. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Võ Văn X được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thiện Nh, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu anh Võ Văn X phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Võ Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm dân sự về hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008982 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS T;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Mỹ Lộc, Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ..... phút, ngày 27 tháng 9 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Minh Trí**

2. Bà **Lâm Thị Tám**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:166/2019/TLST
– HNGĐ ngày 26/6/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Mai**, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 155, đường Tỉnh Lộ 909, ấp 9, xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Võ Văn Xuyên**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 105, ấp Hòa Đại, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, THỐNG NHẤT 3/3 Ý KIẾN CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Mai đối với anh Võ Văn Xuyên. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc Mai và anh Võ Văn Xuyên được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thiện Nhân, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Mai tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Mai không yêu cầu anh Võ Văn Xuyên phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Võ Văn Xuyên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm dân sự về hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Ngọc Mai phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Chị Mai đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008982 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được

niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ phút, ngày 27 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA